

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO

Biểu mẫu 6.2

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 94/QĐ-THTHĐ ngày 20/6/2024 của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu....	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó:- Bỏ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác:...	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
2.1		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu....	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Cho công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
2.1.7	Số dư cuối năm	
		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1	...	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	
3.1.5	Số chi trong năm	

TT	Nội dung	Dự toán
	Trong đó: -	
	-	
	-	
3.1.6	Số dư cuối năm	
		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1	Chăm nuôi bán trú	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	2 372 817
4.1.2	Mức thu....	150.000đ/tháng
4.1.3	Tổng số thu trong năm	829 200 000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	829 200 000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	831 572 817
4.1.6	Số chi trong năm	827 289 000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	827 289 000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
4.1.7	Số dư cuối năm	4 283 817
4.2	Quản lý học sinh cuối buổi	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	86 420 295
4.2.2	Mức thu....	120.000đ-200.000đ/tháng
4.2.3	Tổng số thu trong năm	629 440 000
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	715 860 295
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	715 860 295
4.2.6	Số chi trong năm	688 192 000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	688 192 000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
4.2.7	Số dư cuối năm	27 668 295
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học. (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Kỹ năng sống	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	6 608 730
5.1.2	Mức thu....	48.000đ/tháng
5.1.3	Tổng số thu trong năm	266 160 000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	272 768 730
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	272 768 730
5.1.6	Số chi trong năm	272 160 000

TT	Nội dung	Dự toán
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	186 312 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	27 954 400
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	18 631 200
	- Chi phúc lợi	15 969 600
	- Chi khác:...	23 292 800
5.1.7	Số dư cuối năm	608 730
5.2	Tiếng Anh tăng cường	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	97 148 020
5.2.2	Mức thu....	80.000đ/tháng
5.2.3	Tổng số thu trong năm	548 240 000
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	645 388 020
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	645 388 020
5.2.6	Số chi trong năm	645 240 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	448 768 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	74 341 600
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	38 376 800
	- Chi phúc lợi	32 894 400
	- Chi khác:...	50 859 200
5.2.7	Số dư cuối năm	148 020
5.3	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	7 519 000
5.3.2	Mức thu....	160.000đ/tháng
5.3.3	Tổng số thu trong năm	1 463 680 000
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1 471 199 000
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	1 471 199 000
5.3.6	Số chi trong năm	1 470 680 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	1 024 576 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	131 731 200
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	102 457 600
	- Chi phúc lợi	87 820 800
	- Chi khác:...	124 094 400
5.3.7	Số dư cuối năm	519 000
5.4	Tin học	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	56 908 855
5.4.2	Mức thu....	40-80.000đ/tháng
5.4.3	Tổng số thu trong năm	296 120 000
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	353 028 855
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	353 028 855
5.4.6	Số chi trong năm	352 120 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	247 284 000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	31 650 800
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	24 728 400
	- Chi phúc lợi	20 767 200
	- Chi khác:...	27 689 600

TT	Nội dung	Dự toán
5.4.7	Số dư cuối năm	908 855
5.5	Tiếng Nhật	
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	2 288 677
5.5.2	Mức thu....	96.000đ/tháng
5.5.3	Tổng số thu trong năm	127 104 000
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	129 392 677
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	129 392 677
5.5.6	Số chi trong năm	129 104 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	88 972 800
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	11 439 360
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	8 897 280
	- Chi phúc lợi	7 626 240
	- Chi khác:...	12 168 320
5.5.7	Số dư cuối năm	288 677
5.6	Toán tư duy	
5.6.1+	Số dư năm trước chuyển sang	720 760
5.6.2	Mức thu....	
5.6.3	Tổng số thu trong năm	
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	720 760
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	720 760
5.6.6	Số chi trong năm	720 760
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy...	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	720 760
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:...	
5.6.7	Số dư cuối năm	0
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,... (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
6.1	Kế hoạch nhỏ	
6.1.1	Số học sinh	1 400
6.1.2	Mức thu:.....	
6.1.3	Tổng thu	18 040 000
6.1.4	Đã chi	18 000 000
6.1.5	Dư	40 000
6.2	Khuyến học	
6.2.1	Số học sinh	
6.2.2	Mức thu:.....	
6.2.3	Tổng thu	7 496 400
6.2.4	Đã chi	7 000 000
6.2.5	Dư	496 400
6.3	Y tế	
6.3.1	Số học sinh	

TT	Nội dung	Dự toán
6.3.2	Mức thu:.....	
6.3.3	Tổng thu	112 071 187
6.3.4	Đã chi	80 000 000
6.3.5	Dư	32 071 187
6.4	Nước uống học sinh	
6.4.1	Số học sinh	1 400
6.4.2	Mức thu:.....	10.000đ/tháng
6.4.3	Tổng thu	132 900 000
6.4.4	Đã chi	132 000 000
6.4.5	Dư	900 000
6.5	Ăn bán trú	
6.5.1	Số học sinh	630
6.5.2	Mức thu:.....	28.000đ-28.500đ/ngày
6.5.3	Tổng thu	2 615 158 962
6.5.4	Đã chi	2 615 100 000
6.5.5	Dư	58 962
6.6	Chất đốt	
6.6.1	Số học sinh	630
6.6.2	Mức thu:.....	1.500đ-2.000đ/ngày
6.6.3	Tổng thu	154 102 000
6.6.4	Đã chi	154 000 000
6.6.5	Dư	102 000
6.7	Điện nước	
6.7.1	Số học sinh	690
6.7.2	Mức thu:.....	30.000đ/tháng
6.7.3	Tổng thu	180 630 000
6.7.4	Đã chi	180 500 000
6.7.5	Dư	130 000
6.8	Cơ sở vật chất bán trú	
6.8.1	Số học sinh	630
6.8.2	Mức thu:.....	200.000-360.000đ
6.8.3	Tổng thu	165 000 000
6.8.4	Đã chi	165 000 000
6.8.5	Dư	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
1.1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
1.2	Kinh phí nghiệp vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	

TT	Nội dung	Dự toán
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí (nếu có)	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng Anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác:....	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 124 995 000
	Chi thanh toán cá nhân	5 959 322 000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	768 673 000
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	365 000 000
	Chi khác:....	32 000 000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	398 000 000

TT	Nội dung	Dự toán
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	350 000 000
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	48 000 000
	Chi khác:....	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
		
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Đào Thị Huyền

Quản Lê Chân., ngày 20 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Kim Viên